

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ PHÂN LOẠI KHU VỰC, VỊ TRÍ ĐẤT
TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI**

1. XÃ NGHĨA NINH

Khu vực nông thôn	
Khu vực 1	Các thôn 5, 6, 7, 8.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường có chiều rộng bình quân > 3m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường có chiều rộng > 2m đến 3m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.
Khu vực vùng ven	
Khu vực 3	Tất cả các khu vực trên địa bàn xã (trừ khu vực áp dụng giá đất ở nông thôn).
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.

2. XÃ THUẬN ĐỨC

Khu vực nông thôn	
Khu vực 1	Toàn bộ khu vực cách đường Hồ Chí Minh 100 mét về phía Tây.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường có chiều rộng bình quân > 3m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường có chiều rộng > 2m đến 3m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.
Khu vực vùng ven	
Khu vực 3	Các khu vực trên địa bàn xã (trừ khu vực áp dụng giá đất ở nông thôn).

Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.

3. PHƯỜNG ĐỒNG SƠN

Khu vực vùng ven	
Khu vực 3	Các khu vực thuộc tiểu khu Trạng, Cồn Chùa.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất có mặt tiền đường liên tổ dân phố đã đầu tư cơ sở hạ tầng (đổ nhựa hoặc bê tông).
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất ở trong các đường rẽ từ đường liên tổ dân phố; các tuyến đường có chiều rộng bình quân > 3m và đường liên tổ dân phố chưa đầu tư cơ sở hạ tầng (chưa đổ nhựa hoặc bê tông).
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.

4. XÃ QUANG PHÚ

Khu vực vùng ven	
Khu vực 1	Toàn bộ khu tái định cư xã Quang Phú.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất có mặt tiền đường 15m hoặc đường từ 10,5m đến < 15m đã đầu tư cơ sở hạ tầng (đổ nhựa hoặc bê tông).
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất có mặt tiền đường từ 10,5m đến < 15m và chưa đầu tư cơ sở hạ tầng (chưa đổ nhựa hoặc bê tông).
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất các trục đường còn lại.
Khu vực 2	Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.

Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.

5. XÃ LỘC NINH

Khu vực vùng ven	
Khu vực 2	Toàn bộ khu vực Lộc Đại (từ thôn 1 đến thôn 7) và các khu tái định cư I, II.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.
Khu vực 3	Các khu vực còn lại trên địa bàn xã.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.

6. XÃ BẢO NINH

Khu vực vùng ven	
Khu vực 1	Thôn Mỹ Cảnh, Đồng Dương.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn;

	các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.
Khu vực 2	Thôn Sa Động, Trung Bính, Hà Dương.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.
Khu vực 3	Thôn Hà Thôn, Hà Trung, Cờ Phú.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.

7. XÃ ĐỨC NINH

Khu vực vùng ven	
Khu vực 2	Thôn Giao Tế, Đức Thị, Đức Giang, Đức Điền, Đức Phong.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều

	rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.
Khu vực 3	Trên toàn địa bàn các thôn còn lại.
Vị trí 1	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường liên xã; đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 5m.
Vị trí 2	Áp dụng đối với các lô đất ở tại các đường rẽ từ đường liên thôn; các tuyến đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 3m đến 5m.
Vị trí 3	Áp dụng đối với các lô đất tại các trục đường hiện trạng có chiều rộng bình quân > 2m đến 3m.
Vị trí 4	Áp dụng đối với các lô đất ở các trục đường còn lại.